**Tổng hợp USECASE FORMAT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Use Case Number** | 1 | | |
| **Use Case Name** | Quản lí đọc giả | | |
| **Actor (s)** | Thủ thư | | |
| **Maturity** | Focused | | |
| **Summary** | Tạo hồ sơ và làm thẻ thư viện cho đọc giả để quản lí các hoạt động của đọc giả để đọc giả sử dụng dịch vụ tại thư viện. | | |
| **Basic Course of Events** | **Actor Action** | **System Respone** | |
| 1. Actor chọn chức năng quản lí đọc giả |  | |
|  |  | 1. Hệ thống hiển thị trang quản lí đọc giả gồm danh sách các đọc giả, xóa, cập nhập, tạo hồ sơ đọc giả và tạo thẻ thư viện | |
|  | 1. Actor chọn đọc giả và chọn xem hoạt động của động giả. **A1, A2, A3,A4** |  | |
|  |  | 1. Hệ thống hiển thị chi tiết hoạt động mượn sách của đọc giả. | |
|  | 1. Actor xem. Use case kết thúc tại đây |  | |
| **Alternative Paths** | A1. | | |
|  | Actor Action | | System Respone |
|  | 1. Actor chọn đọc giả và chọn xóa | |  |
|  |  | | 1. Hệ thống xóa đọc giả đó. Quay về bước 2. |
|  | A2 | | |
|  | Actor Action | | System Respone |
|  | 1. Actor chọn đọc giả và chọn nút cập nhật | |  |
|  |  | | 1. Hiển thị bảng thông tin của đọc giả. |
|  | 1. Actor nhập lại những thông tin muốn sửa. | |  |
|  | 1. Actor bấm cập nhật. | |  |
|  |  | | 1. Hệ thống lưu lại vào CSDL. Quay về bước 2. |
|  | A3 | | |
|  |  | | |
|  | A4 | | |
| **Exception Paths** |  | | |
| **Extension Points** |  | | |
| **Triggers** |  | | |
| **Assumption** |  | | |
| **Preconditions** |  | | |
| **Post Conditions** |  | | |
| **Reference: Business Rules** |  | | |
| **Reference: Risks** |  | | |
| **Author(s)** |  | | |
| Date: |  | | |